

CHÍNH PHỦ  
Số: 186/2004/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 5 tháng 11 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ  
*Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Nghị định này quy định việc phân loại, đặt tên hoặc số hiệu đường bộ; tiêu chuẩn kỹ thuật của các cấp đường bộ; trình tự, thủ tục lập, phê duyệt và công bố quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; phạm vi đất dành cho đường bộ; sử dụng, khai thác đất hành lang an toàn đường bộ và việc xây dựng các công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường bộ; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**Điều 2.** Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư xây dựng, quản lý và khai thác đường bộ trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân theo các quy định của Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Các hệ thống đường bộ trong cả nước là một mạng lưới liên hoàn do Nhà nước thống nhất quản lý, không phân biệt đường bộ được xây dựng bằng nguồn vốn nào.

**Điều 4.** Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Việc sử dụng, khai thác và xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường bộ phải bảo đảm giao thông thông suốt, trật tự an toàn và không được ảnh hưởng tới sự bền vững của công trình đường bộ.

## Chương II PHÂN LOẠI, ĐẶT TÊN VÀ SỐ HIỆU ĐƯỜNG BỘ

**Điều 5.** Mạng lưới đường bộ được chia thành 6 hệ thống sau:

1. Hệ thống quốc lộ là các đường trục chính của mạng lưới đường bộ, có tác dụng đặc biệt quan trọng phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước hoặc khu vực gồm:

a) Đường nối liền Thủ đô Hà Nội với thành phố trực thuộc Trung ương; với trung tâm hành chính các tỉnh;

b) Đường nối liền trung tâm hành chính của từ 3 tỉnh hoặc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh) trở lên;

c) Đường nối liền từ cảng biển quốc tế đến các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính trên đường bộ.

2. Hệ thống đường tỉnh là các đường trục trong địa bàn 1 tỉnh hoặc 2 tỉnh gồm đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc với trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường nối quốc lộ với trung tâm hành chính của huyện.

3. Hệ thống đường huyện là các đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường nối đường tỉnh với trung tâm hành chính của xã hoặc trung tâm cụm xã.

4. Hệ thống đường xã là các đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, xóm hoặc đường nối giữa các xã.

5. Hệ thống đường đô thị là các đường nằm trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị.

6. Hệ thống đường chuyên dùng là các đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc nhiều cơ quan, doanh nghiệp, tư nhân.

**Điều 6.** Thẩm quyền phân loại và điều chỉnh các hệ thống đường bộ được quy định như sau:

1. Hệ thống quốc lộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

2. Hệ thống đường tỉnh do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Hệ thống đường đô thị do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Hệ thống đường huyện do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Hệ thống đường xã do Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

6. Hệ thống đường chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với đường chuyên dùng nối với quốc

lộ; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đường chuyên dùng nối với đường tỉnh, đường đô thị, đường huyện; ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện đối với đường chuyên dùng nối với đường xã.

**Điều 7.** Việc đặt tên, số hiệu đường bộ được quy định như sau:

1. Tên đường được đặt theo tên danh nhân, người có công hoặc tên di tích, sự kiện lịch sử văn hoá, tên địa danh hoặc tên theo tập quán; số hiệu đường được đặt theo số tự nhiên kèm theo chữ cái nếu cần thiết.
2. Đường bộ đặt theo tên gồm chữ "Đường" kèm với tên; đặt theo số hiệu gồm tên hệ thống đường kèm với số hiệu.

Trường hợp đường đô thị trùng với quốc lộ thì sử dụng cả tên đường đô thị và tên, số hiệu của quốc lộ.

3. Tên, số hiệu đường bộ tham gia vào mạng lưới đường bộ trong khu vực, đường bộ quốc tế thực hiện theo thoả thuận giữa Việt Nam với các quốc gia liên quan.

Trường hợp đường bộ trong nước trùng với đường bộ trong khu vực, đường bộ quốc tế thì sử dụng cả tên, số hiệu đường trong nước và tên, số hiệu đường trong khu vực, đường bộ quốc tế (nếu có).

4. Việc đặt tên, số hiệu đường bộ do cơ quan có thẩm quyền phân loại đường bộ quyết định; riêng đường đô thị, đường tỉnh đặt theo tên do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể việc đặt tên, số hiệu đường bộ.

### **Chương III**

## **QUY HOẠCH KẾT CẤU HẠ TẦNG VÀ TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 8.**

1. Trách nhiệm lập và thẩm quyền phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được quy định như sau:

a) Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nhu cầu đi lại của nhân dân, Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chung của cả nước, quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ vùng (khu vực), quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng của hệ thống quốc lộ và một số quy hoạch đặc biệt được giao, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Căn cứ vào chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và nhu cầu đi lại của nhân dân địa phương, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường đô thị phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ chung của tỉnh và của cả nước; phê duyệt hoặc trình duyệt theo phân cấp. Riêng quy hoạch phát triển hệ thống đường tỉnh phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải; quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đô thị loại đặc biệt và đô thị loại 1 phải có ý kiến bằng văn bản của Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải.

2. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải tuân theo quy định của pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư và xây dựng.

3. Quy hoạch kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ sau khi được phê duyệt, cơ quan tổ chức xây dựng quy hoạch có trách nhiệm tổ chức công bố rộng rãi bằng các hình thức thích hợp.

#### **Điều 9.**

1. Đường bộ xây dựng mới phải bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật của từng cấp đường theo tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn ngành của Bộ Xây dựng đối với đường đô thị hoặc các tiêu chuẩn ngành của Bộ Giao thông vận tải đối với đường ngoài đô thị; riêng đối với đường lâm nghiệp, đường khai thác mỏ và đường chuyên dùng khác phải áp dụng cả các tiêu chuẩn riêng của ngành đó.

Trường hợp áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật công trình đường bộ của nước ngoài thì phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Các tuyến đường bộ đang khai thác chưa vào cấp phải được cải tạo, nâng cấp để đạt các tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường phù hợp.

#### **Điều 10.**

1. Công trình đường bộ xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và công trình đường bộ đã đưa vào khai thác phải được thẩm định an toàn giao thông.

2. Thẩm định an toàn giao thông được thực hiện tại một hoặc một số trong các giai đoạn sau:

a) Báo cáo đầu tư xây dựng công trình;

b) Dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình;

c) Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công;

d) Trước khi đưa công trình vào khai thác;

đ) Trong quá trình khai thác.

3. Việc thẩm định an toàn giao thông do một tổ chức gồm những người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu của công việc thẩm định thực hiện; tổ chức này hoạt động độc lập với tổ

chức tư vấn thiết kế đã lập hồ sơ dự án, thiết kế công trình.

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư hoặc cho phép đầu tư quyết định dự án phải thẩm định, giai đoạn thẩm định và tổ chức thực hiện việc thẩm định an toàn giao thông.

5. Tổ chức thực hiện thẩm định an toàn giao thông có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ dự án, thiết kế công trình, kiểm tra hiện trường, phát hiện các khả năng tiềm ẩn về tai nạn giao thông, đề xuất, kiến nghị các biện pháp khắc phục.

6. Tư vấn thiết kế có trách nhiệm tiếp thu bằng văn bản các đề xuất, kiến nghị nêu trong báo cáo thẩm định an toàn giao thông và chỉnh sửa hồ sơ dự án, thiết kế theo nội dung đã tiếp thu. Đối với công trình đường bộ đã đưa vào khai thác, cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm tiếp thu các đề xuất, kiến nghị nêu trong báo cáo thẩm định an toàn giao thông và có phương án sửa chữa khắc phục.

7. Kinh phí thẩm định an toàn giao thông được xác định trong kinh phí đầu tư dự án đối với công trình xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo; được sử dụng trong nguồn tài chính cho quản lý, bảo trì đường bộ đối với công trình đã đưa vào khai thác.

8. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể công tác thẩm định an toàn giao thông; phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về kinh phí thẩm định an toàn giao thông.

## **Chương IV**

### **PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG**

### **GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

**Điều 11.** Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ, phần trên không, phần dưới mặt đất, phần dưới mặt nước có liên quan đến an toàn công trình và an toàn giao thông đường bộ.

#### **Điều 12.**

1. Đất của đường bộ là phần đất trên đó công trình đường bộ được xây dựng bao gồm cả các công trình giao thông tĩnh và các công trình phụ trợ. Công trình đường bộ gồm: